

Số:1898 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Khoản 14, 15 Điều 1 Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã Hiếu Bình, xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc Hội khóa XIII;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc Hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1866/DANN-VnSAT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Danh mục các tiểu dự án đề xuất hỗ trợ cho các TCND/KTK thuộc dự án VnSAT Cần Thơ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ tại Tờ trình số 1952/TTr-SNN&PTNT ngày 25 tháng 7 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Khoản 14, 15 Điều 1 Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

công trình: Tiêu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã Hiếu Bình, xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 14.

“14. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 10.357.549.000 đồng.

(Bằng chữ: mười tỷ, ba trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng.)

Trong đó:

- | | | |
|--------------------------------------|---------------|--------|
| - Chi phí dọn dẹp mặt bằng thi công: | 18.500.000 | đồng; |
| - Chi phí xây dựng: | 6.578.000.000 | đồng; |
| - Chi phí thiết bị: | 1.771.492.000 | đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 0 | đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 789.988.000 | đồng; |
| - Chi phí khác: | 578.034.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 621.535.000 | đồng.” |

(Đính kèm Phụ lục)

2. Điều chỉnh Khoản 15.

“15. Nguồn vốn đầu tư: vốn vay Ngân hàng Thế giới (IDA): 80,0%; vốn đối ứng ngân sách thành phố, TCND/HTX: 20,0%.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những nội dung còn lại tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Giám đốc Ban quản lý dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /sh

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - CT UBND TP;
 - Hợp tác xã Hiếu Bình;
 - VP UBND TP (3D);
 - Công TTĐT TPCT;
 - Lưu: VT, NCH.
- 13296-1952

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Dũng

PHỤ LỤC

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TIÊU DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, THIẾT BỊ HTX HIẾU BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CÔNG KẾT HỢP TRẠM BOM	NHÀ KHO, LÒ SẤY	ĐƯỜNG DÂY TRUNG ÁP & TRẠM BIẾN ÁP	TỔNG HỢP CHI PHÍ CSHT	CƠ CẤU NGUỒN VỐN			CHI CHỮ
						IDA	Thành phí	Vốn đối ứng TCND/HTX	
I	CHI PHÍ DỌN DẸP MẶT BẰNG TRƯỚC KHI THI CÔNG	18.500.000			18.500.000				
1	Công kết hợp với trạm bom (4 máy)	2.003.900.449	3.820.997.114	753.101.985	6.577.999.548	6.102.752.057	-	475.247.491	18.500.000
2	Cơ khí trạm bom	584.511.711			1.419.388.738	1.419.388.738			-
3	Sàn nền		475.247.491		584.511.711	584.511.711		475.247.491	-
4	Nhà sây		597.867.628		475.247.491	597.867.628			-
5	Nhà kho		2.207.185.235		597.867.628	2.207.185.235			-
6	Phòng cháy, chữa cháy và chống sét		276.293.093		276.293.093	276.293.093			-
7	Điện chiếu sáng trong và ngoài nhà kho, lò sây		264.403.667		264.403.667	264.403.667			-
8	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp trạm bom			503.095.944	503.095.944	503.095.944			-
9	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp nhà kho, lò sây			250.006.041	250.006.041	250.006.041			-
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	1.254.220.000	-	517.272.053	1.771.492.053	1.771.492.053			-
1	Máy bơm Q = 2300-2500 m ³ /h (4 máy)	1.254.220.000			1.254.220.000	1.254.220.000			-
2	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp trạm bom			319.154.530	319.154.530	319.154.530			-
3	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp nhà kho, lò sây			198.117.523	198.117.523	198.117.523			-
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	-	-	-	-	-			-
V	CHI PHÍ TƯ VẤN XÂY DỰNG	300.110.826	344.645.043	145.231.666	789.987.535	789.987.535			-
1	Chi phí khảo sát địa hình	74.731.000		18.259.566	92.990.566	92.990.566			
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	144.465.061	163.033.050	83.245.817	390.743.928	390.743.928			
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	4.544.846	13.297.070	2.200.000	20.041.916	20.041.916			
4	Chi phí thẩm tra dự toán	4.544.846	13.297.070	2.200.000	20.041.916	20.041.916			
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	7.234.081	20.977.274	4.134.530	32.345.885	32.345.885			



